

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Võ Hồng Hạnh

bà Trần Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị Hồng T, sinh năm: 1986; nghề nghiệp: buôn bán; nơi đăng ký thường trú và cư trú: đường số 9, tổ 2, ấp S, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* anh Trần Duy Â, sinh năm: 1988; nghề nghiệp: không; nơi đăng ký thường trú: số 119, tổ 2, ấp 5, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; hiện đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy C, địa chỉ: số 70, ấp B, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Ngô Thị Hồng T trình bày: trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chị và anh Trần Duy Â đã tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào năm 2012; đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người. Trải qua một thời gian chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc anh Â nghiện ngập ma túy, dù đã được gia đình động viên cai nghiện tại nhà và ở trung tâm cai nghiện nhiều lần nhưng anh Â vẫn tái nghiện; hiện tại anh Â đang

phải chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy A. Do thấy rằng anh A không tu chí cai nghiện, không hề quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình; một mình chị phải gồng gánh lo cho các con, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh A.

Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Trần Gia H, sinh ngày: 01/10/2012 và Trần Ngọc Gia H, sinh ngày: 24/7/2014, hiện tại các cháu đang sống chung với chị nên yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai và đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 31/7/2019, bị đơn là anh Trần Duy A trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình tiến tới hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Việc anh nghiện ma túy kéo dài, không cai nghiện dứt điểm được đã khiến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, kinh tế gia đình khó khăn. Một mặt cũng do cha mẹ anh không chia đất để vợ chồng anh làm ăn kinh tế cũng khiến bản thân anh mâu thuẫn với cha mẹ và vợ chồng sinh ra mâu thuẫn. Mặt khác, cũng do chị T tính tình ngang bướng nên vợ chồng không chia sẻ được với nhau, dễ dẫn đến cãi vã, xô xát. Nay chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu xuất phát từ việc anh nghiện ma túy, anh sẽ cố gắng cai nghiện và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, do đó không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) và của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật, nhưng vẫn còn có vi phạm về thời hạn so với quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt họ là phù hợp. Về áp dụng pháp luật đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) và các điều 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh A; về con chung: giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và tạm thời anh A không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; về án phí: chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Ngô Thị Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về ly hôn và giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây

là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị T là nguyên đơn, anh A là bị đơn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn (chị Ngô Thị Hồng T) và bị đơn (anh Trần Duy A) đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị Hồng T và anh Trần Duy A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 04/5/2012, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy: cả chị T và anh A đều thống nhất việc mâu thuẫn vợ chồng xuất phát chủ yếu từ việc anh A nghiện ma túy; bên cạnh đó cũng có phần mâu thuẫn giữa anh A với cha mẹ đẻ cũng tác động đến cuộc sống vợ chồng, khiến vợ chồng sút mẻ tình cảm. Mặc dù anh A cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy anh A đã trải qua nhiều lần cai nghiện ma túy không thành công do không có quyết tâm; mặt khác anh A có yêu cầu Tòa án tạo điều kiện về thời gian để anh gọi điện cho chị T vào thăm gặp hòa giải, Tòa án đã chấp nhận nhưng khi được Cơ sở điều trị nghiện cho phép gọi điện thoại về gia đình thì anh A không hề liên lạc với chị T, chứng tỏ anh A không thật sự mong muốn đoàn tụ. Xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận: cho chị T ly hôn anh A.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: vợ chồng đều có ý kiến: trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì sẽ giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; xét các ý kiến này là phù hợp thực tế, vì hiện tại chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu và vẫn đảm bảo tốt cho cuộc sống các cháu, bản thân anh A đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con; do đó HĐXX quyết định giao các cháu H và Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; do chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho 02 cháu nên tạm thời anh A không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Ngô Thị Hồng T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận. Riêng đối với đề nghị áp dụng pháp luật thì không chấp nhận, bởi lẽ: tuy hôn nhân giữa chị T và anh A xác lập vào thời điểm Luật HN&GD năm 2000 đang có hiệu lực nhưng thời điểm chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con là thời điểm Luật HN&GD 2014 đã có hiệu lực pháp luật nên việc VKS đề nghị áp dụng pháp luật HN&GD năm 2000 để giải quyết ly hôn, giao nuôi con là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Ngô Thị Hồng T được ly hôn anh Trần Duy Á.

2. Về con chung: giao các cháu Trần Gia H, sinh ngày: 01/10/2012 và Trần Ngọc Gia H, sinh ngày: 24/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Á không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Ngô Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 004158 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam